中華醫事科技大學
CHUNG HWA UNIVERSITY OF MEDICAL TECHNOLOGY
台灣最好的醫事大學

115學年度第1學期新南向產學合作國際專班(越南籍)新生說明會

Hội thảo tân sinh viên Hệ hợp tác chuyên ban quốc tế Tân Hướng Nam Học kỳ 1 Năm học 2026

日期：2025年10月09日(五)

單位：國際暨兩岸事務處



08

外國學生來臺就學辦法
Quy định về việc học tập của sinh viên nước ngoài tại Đài Loan

- 修正日期：民國 112 年 09 月 18 日
- Ngày sửa đổi: Trung Hoa Dân Quốc ngày 18 tháng 9 năm 2023



外國學生來台就學辦法
Quy định về việc học tập của sinh viên nước ngoài tại Đài Loan

第6條　3　大專校院辦理外國學生招生事務，除宣傳推廣及協助學生辦理來臺相關必要程序外，不得委由校外機構、法人、團體或個人辦理；並應適時確認其是否向外國學生收取不合理之費用、成立借貸關係或其他違反相關法令之情形，必要時得向申請之外國學生查核。

Các trường đại học và cao đẳng khi thực hiện công tác tuyển sinh sinh viên nước ngoài, ngoài trừ việc tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ sinh viên hoàn thành các thủ tục cần thiết để đến Đài Loan, không được ủy thác cho các tổ chức, pháp nhân, đoàn thể hoặc cá nhân bên ngoài thực hiện. Đồng thời, cần kịp thời xác minh xem có tình trạng thu phí bất hợp lý từ sinh viên nước ngoài, thiết lập quan hệ vay mượn hoặc các hành vi vi phạm pháp luật liên quan hay không. Khi cần thiết, có thể kiểm tra thông tin trực tiếp từ sinh viên nước ngoài đã nộp đơn.

來台就學請勿繳納不合理費用
Đăng ký du học vui lòng không đóng các khoản phí không hợp lý

外國學生來臺就學辦法
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI TẠI ĐÀI LOAN

第 7 條

1 申請入學大專校院之外國學生，應於各校院指定期間，檢附下列文件，逕向各該校院申請入學，經審查或甄試合格者，發給入學許可：

一、入學申請表。

二、學歷證明文件：

（一）大陸地區學歷：應依大陸地區學歷採認辦法規定辦理。

（二）香港或澳門學歷：應依香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定辦理。

（三）其他地區學歷：

1.海外臺灣學校及大陸地區臺商學校之學歷同我國同級學校學歷。

2.前二目以外之國外地區學歷，應依大學辦理國外學歷採認辦法規定辦理。但設校或分校於大陸地區之外國學校學歷，應經大陸地區公證處公證，並經行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證。

三、足夠在臺就學之財力證明，或政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明。

四、申請學校所規定之其他文件。

2 各校審核外國學生之入學申請時，對前項第二款至第四款未經我國駐外機構、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之文件認定有疑義時，得要求經驗證；其業經驗證者，得請求協助查證。

3 第一項入學許可應載明外國學生之姓名、就讀學程名稱、學位別、授課語言、入學之學年、學期開始日期、學雜費收退費基準、獎助學金及其他應告知外國學生之相關資訊之中文及英文版本，確認外國學生瞭解來臺就學相關權利義務，並得提供外國學生母國語言版本。

Điều 7

- Đối với sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học vào các trường cao đẳng và đại học, cần phải nộp các tài liệu sau đây trong thời gian quy định của từng trường, và nộp đơn xin nhập học trực tiếp tới các trường đó. Những người được xét duyệt hoặc vượt qua kỳ thi tuyển sinh sẽ được cấp giấy phép nhập học:
- Đơn xin nhập học.
- Tài liệu chứng minh trình độ học vấn:
  - (a) Đối với trình độ học vấn từ khu vực Trung Quốc đại lục: phải thực hiện theo quy định của phương pháp công nhận trình độ học vấn từ khu vực này.
  - (b) Đối với trình độ học vấn từ Hong Kong hoặc Macao: phải thực hiện theo quy định của phương pháp kiểm tra và công nhận trình độ học vấn từ khu vực này.
  - (c) Đối với trình độ học vấn từ các khu vực khác:
    - Trình độ học vấn từ các trường Đài Loan ở nước ngoài và các trường do doanh nhân Đài Loan tại Trung Quốc đại lục thành lập sẽ được công nhận tương đương với trình độ của các trường cùng cấp tại Đài Loan.
    - Đối với trình độ học vấn từ các khu vực nước ngoài không thuộc hai mục trên, cần phải thực hiện theo quy định của các trường đại học về phương pháp công nhận trình độ học vấn nước ngoài. Tuy nhiên, đối với trình độ học vấn từ các trường nước ngoài có cơ sở hoặc chi nhánh tại Trung Quốc đại lục, cần được công chứng bởi văn phòng công chứng tại Trung Quốc đại lục và được xác minh bởi cơ quan do Chính phủ hoặc cơ quan dân sự được chỉ định.
- Chứng minh tài chính đủ để học tập tại Đài Loan, hoặc chứng nhận cấp học bổng toàn phần từ chính phủ, các trường cao đẳng và đại học, hoặc các tổ chức tư nhân.
- Các tài liệu khác theo yêu cầu của trường xin học.
- Khi các trường xem xét đơn xin nhập học của sinh viên nước ngoài, nếu có nghi ngờ về các tài liệu từ khoản 2 đến khoản 4 chưa được xác minh bởi các cơ quan đại diện của Đài Loan ở nước ngoài, các cơ quan do Chính phủ thành lập hoặc các tổ chức dân sự được ủy quyền, có thể yêu cầu xác minh; nếu đã được xác minh, có thể yêu cầu hỗ trợ kiểm tra.
- Giấy phép nhập học phải ghi rõ họ tên của sinh viên nước ngoài, tên chương trình học, loại bằng cấp, ngôn ngữ giảng dạy, năm học, ngày bắt đầu học kỳ, tiêu chuẩn hoàn trả học phí, học bổng và các thông tin liên quan khác cần thông báo cho sinh viên nước ngoài bằng cả tiếng Trung và tiếng Anh, xác nhận rằng sinh viên nước ngoài hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc học tập tại Đài Loan, và có thể cung cấp bản dịch sang ngôn ngữ mẹ đẻ của sinh viên nước ngoài.

申請入學所需準備及繳交之文件
Những giấy tờ cần chuẩn bị để đăng ký nhập học.

外國學生來台就學辦法
Quy định về việc học tập của sinh viên nước ngoài tại Đài Loan

第7-1條　外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，應由學校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

Nếu hồ sơ nhập học do sinh viên nước ngoài nộp bị phát hiện giả mạo, mượn danh, chỉnh sửa, thì tư cách trúng tuyển sẽ bị hủy bỏ. Đối với những người đã đăng ký nhập học, nếu bị phát hiện sẽ bị hủy bỏ tư cách học viên và không được cấp bất kỳ giấy chứng nhận học tập nào liên quan. Sau khi tốt nghiệp, nếu bị phát hiện sẽ bị hủy bỏ tư cách tốt nghiệp và thu hồi bằng cấp nếu đã cấp.

入學證明文件不可造假，否則撤銷學籍或註銷學位證書
Giấy tờ nhập học không được giả mạo, nếu không tư cách sinh viên của bạn sẽ bị thu hồi hoặc chứng chỉ bằng cấp của bạn sẽ bị hủy.

外國學生來台就學辦法
Quy định về việc học tập của sinh viên nước ngoài tại Đài Loan

第23條　外國學生有違反就業服務法之規定經查證屬實者，學校或相關主管機關應即依規定處理。

Nếu sinh viên nước ngoài bị phát hiện vi phạm các quy định của Luật Dịch vụ Việc làm và được xác minh là đúng, nhà trường hoặc cơ quan quản lý có liên quan phải xử lý theo quy định hiện hành.

不可違法工作
Nghiêm cấm đi làm bất hợp pháp

辦法連結

- Quét mã để tìm hiểu thêm về quy định



09

就業服務法
LUẬT DỊCH VỤ VIỆC LÀM

- 修正日期：民國 112 年 05 月 10 日
- Ngày sửa đổi: Trung Hoa Dân Quốc ngày 10 tháng 5 năm 2023



第 44 條

- 任何人不得非法容留外國人從事工作。

Điều 44

- Không ai được phép giữ lại người nước ngoài làm việc trái phép.

第 50 條

雇主聘僱下列學生從事工作，得不受第四十六條第一項規定之限制；其工作時間除寒暑假外，每星期最長為二十小時：

- 一、就讀於公立或已立案私立大專校院之外國留學生。
- 二、就讀於公立或已立案私立高級中等以上學校之僑生及其他華裔學生。

Điều 50

Chủ sử dụng lao động có thể tuyển dụng các sinh viên sau đây mà không bị ràng buộc bởi quy định tại khoản một Điều 46; thời gian làm việc, trừ các kỳ nghỉ đông và hè, tối đa là hai mươi giờ mỗi tuần:

- Sinh viên nước ngoài đang theo học tại các trường cao đẳng công lập hoặc các trường tư thục đã được thành lập.
- Học sinh kiều bào và các sinh viên gốc Hoa đang theo học tại các trường trung học công lập hoặc đã được thành lập.

第 57 條

雇主聘僱外國人不得有下列情事：

- 一、聘僱未經許可、許可失效或他人所申請聘僱之外國人。
- 二、以本人名義聘僱外國人為他人工作。
- 三、指派所聘僱之外國人從事許可以外之工作。
- 四、未經許可，指派所聘僱從事第四十六條第一項第八款至第十款規定工作之外國人變更工作場所。
- 五、未依規定安排所聘僱之外國人接受健康檢查或未依規定將健康檢查結果函報衛生主管機關。
- 六、因聘僱外國人致生解僱或資遣本國勞工之結果。
- 七、對所聘僱之外國人以強暴脅迫或其他非法之方法，強制其從事勞動。
- 八、非法扣留或侵占所聘僱外國人之護照、居留證件或財物。
- 九、其他違反本法或依本法所發布之命令。

Điều 57

Chủ sử dụng lao động không được thực hiện các hành vi sau khi tuyển dụng người nước ngoài:

- Tuyển dụng người nước ngoài không có giấy phép, giấy phép đã hết hạn, hoặc người nước ngoài được tuyển dụng bởi người khác.
- Tuyển dụng người nước ngoài làm việc cho người khác dưới danh nghĩa của mình.
- Chỉ định người nước ngoài được tuyển dụng làm việc ngoài phạm vi cho phép.
- Không có giấy phép, chỉ định người nước ngoài được tuyển dụng làm việc ở nơi khác không theo quy định tại khoản một Điều 46 từ mục tám đến mười.
- Không sắp xếp người nước ngoài được tuyển dụng kiểm tra sức khỏe theo quy định hoặc không báo cáo kết quả kiểm tra sức khỏe cho cơ quan y tế có thẩm quyền.
- Do tuyển dụng người nước ngoài mà dẫn đến sa thải hoặc cắt giảm nhân sự người lao động trong nước.
- Sử dụng bạo lực, đe dọa hoặc các phương pháp bất hợp pháp khác để buộc người nước ngoài được tuyển dụng phải lao động.
- Giữ trái phép hoặc chiếm đoạt hộ chiếu, giấy tờ cư trú hoặc tài sản của người nước ngoài được tuyển dụng.
- Các hành vi khác vi phạm pháp luật này hoặc các mệnh lệnh được ban hành theo pháp luật này.

第 63 條

- 違反第四十四條或第五十七條第一款、第二款規定者，處新臺幣十五萬元以上七十五萬元以下罰鍰。五年內再違反者，處三年以下有期徒刑、拘役或科或併科新臺幣一百二十萬元以下罰金。
- 法人之代表人、法人或自然人之代理人、受僱人或其他從業人員，因執行業務違反第四十四條或第五十七條第一款、第二款規定者，除依前項規定處罰其行為人外，對該法人或自然人亦科處前項之罰鍰或罰金。

Điều 63

- Người vi phạm Điều 44 hoặc các quy định tại khoản một và khoản hai của Điều 57 sẽ bị phạt tiền từ 150.000 đến 750.000 Đài tệ. Nếu vi phạm lại trong vòng năm năm, sẽ bị phạt tù không quá ba năm, hoặc bị giam giữ, hoặc bị phạt tiền không quá 1.200.000 Đài tệ.
- Đại diện của pháp nhân, đại diện của cá nhân, nhân viên hoặc các nhân viên khác thực hiện hành vi vi phạm Điều 44 hoặc các quy định tại khoản một và khoản hai của Điều 57, ngoài việc bị xử phạt theo quy định trên, pháp nhân hoặc cá nhân đó cũng sẽ bị phạt tiền theo quy định trên.

辦法連結

- Quét mã để tìm hiểu thêm về quy định



10

其他注意事項與規定
CHÚ Ý VÀ QUY ĐỊNH KHÁC



其他注意事項與規定
CHÚ Ý VÀ QUY ĐỊNH KHÁC



打工地點不要選擇八大行業（如酒廊、陪侍夜總會、舞廳、按摩、理容院、小吃部、夜店、三溫暖等），這些地點是臨檢的重點。不適當的工作內容可能會觸犯《社會秩序維護法》。

Không làm việc tại các ngành nghề thuộc tám ngành công nghiệp đặc thù (như quán rượu, vũ trường, mát-xa, thẩm mỹ viện, hộp đêm, phòng tắm hơi, v.v.). Đây là trọng điểm của các cuộc tuần tra. Công việc không phù hợp có thể vi phạm Luật Duy Trì Trật Tự Xã Hội.



持有或吸食毒品是犯罪行為，如果參與製造、引誘販賣或介紹他人購買，將面臨更重的刑責。

Tàng trữ hoặc sử dụng ma túy là hành vi phạm tội. Nếu tham gia sản xuất, xúi giục bán hàng hoặc giới thiệu người khác mua, sẽ phải chịu mức phạt nặng hơn.



在台灣，偷竊屬於公訴罪，一旦報案無法撤銷。若證據確鑿，將會被判刑。（台灣的各大超商和賣場均設有監視器，拿取商品時請務必記得結帳。）

Tại Đài Loan, hành vi trộm cắp là tội phạm bị truy tố công khai. Một khi đã báo án, không thể rút lại. Nếu bằng chứng đã được xác nhận, chắc chắn sẽ bị kết án. (Tất cả các siêu thị tại Đài Loan đều có camera giám sát, vì vậy các bạn nhớ thanh toán khi mua đồ.)

其他注意事項與規定
CHÚ Ý VÀ QUY ĐỊNH KHÁC



車禍糾紛：發生車禍時，請保持現場完整，並立即聯絡學校校安中心（06-2903545）及警察（110）。切勿隨意離開現場，否則可能會被認定為肇事逃逸。

Tranh chấp tai nạn giao thông: Nếu xảy ra tai nạn giao thông, giữ nguyên hiện trường và liên lạc ngay với Trung tâm An ninh Trường học (06-2903545) và cảnh sát (110). Tuyệt đối không được rời khỏi hiện trường, nếu không sẽ bị coi là tội gây tai nạn rồi bỏ chạy.



罰金與稅款：若有欠繳政府的罰金或稅款，務必盡快繳清。否則可能會被通報，進而影響您的出境手續。

Tiền phạt và thuế: Nếu có giấy phạt hoặc thông báo nộp thuế từ chính phủ, cần phải nộp đầy đủ, nếu không sẽ bị thông báo và có thể ảnh hưởng đến việc xuất cảnh.



保險理賠：申請各項保險理賠時，需提供真實發生的事件及相關支出單據。如無實際事件發生或使用假收據（fake receipt）申請理賠，將被視為詐欺行為。詐欺是刑事犯罪。

Yêu cầu bồi thường bảo hiểm: Khi yêu cầu quyền lợi bảo hiểm, cần cung cấp các sự kiện thực tế và tài liệu liên quan đến khoản phí. Nếu không có sự kiện xảy ra hoặc sử dụng biên lai giả (fake receipt) để đòi tiền thì sẽ bị coi là gian lận. Gian lận là hành vi phạm tội.


歡迎加入
中華醫大
Chào mừng các bạn đến
với trường Đại học
Kỹ thuật Y Trung Hoa!

10

労動基準法
LUẬT TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG

- 修正日期：民國 113 年 07 月 31 日
- Ngày sửa đổi: Trung Hoa Dân Quốc ngày 31 tháng 7 năm 2024



第 30 條

1 勞工正常工作時間，每日不得超過八小時，每週不得超過四十小時。

2 前項正常工作時間，雇主經工會同意，如事業單位無工會者，經勞資會議同意後，得將其二週內二日之正常工作時數，分配於其他工作日。其分配於其他工作日之時數，每日不得超過二小時。但每週工作總時數不得超過四十八小時。

3 第一項正常工作時間，雇主經工會同意，如事業單位無工會者，經勞資會議同意後，得將八週內之正常工作時數加以分配。但每日正常工作時間不得超過八小時，每週工作總時數不得超過四十八小時。

4 前二項規定，僅適用於經中央主管機關指定之行業。

5 雇主應置備勞工出勤紀錄，並保存五年。

6 前項出勤紀錄，應逐日記載勞工出勤情形至分鐘為止。勞工向雇主申請其出勤紀錄副本或影本時，雇主不得拒絕。

7 雇主不得以第一項正常工作時間之修正，作為減少勞工工資之事由。

8 第一項至第三項及第三十條之一之正常工作時間，雇主得視勞工照顧家庭成員需要，允許勞工於不變更每日正常工作時數下，在一小時範圍內，彈性調整工作開始及終止之時間。

- **Điều 30**
- Thời gian làm việc bình thường của người lao động không được vượt quá tám giờ mỗi ngày và không quá bốn mươi giờ mỗi tuần.
- Thời gian làm việc bình thường nêu trên, nếu được sự đồng ý của công đoàn, hoặc nếu đơn vị không có công đoàn, thì phải được sự đồng ý của cuộc họp lao động - sử dụng, có thể phân bổ số giờ làm việc bình thường trong hai ngày của hai tuần vào các ngày làm việc khác. Số giờ phân bổ vào các ngày làm việc khác không được vượt quá hai giờ mỗi ngày. Tuy nhiên, tổng số giờ làm việc mỗi tuần không được vượt quá bốn mươi tám giờ.
- Thời gian làm việc bình thường nêu tại khoản một, nếu được sự đồng ý của công đoàn, hoặc nếu đơn vị không có công đoàn, thì phải được sự đồng ý của cuộc họp lao động - sử dụng, có thể phân bổ số giờ làm việc bình thường trong tám tuần. Tuy nhiên, thời gian làm việc bình thường mỗi ngày không được vượt quá tám giờ, và tổng số giờ làm việc mỗi tuần không được vượt quá bốn mươi tám giờ.
- Hai quy định trên chỉ áp dụng cho các ngành nghề được cơ quan quản lý trung ương chỉ định.
- Chủ sử dụng lao động phải lập và lưu giữ sổ ghi chép thời gian làm việc của người lao động trong vòng năm năm.
- Sổ ghi chép thời gian làm việc nêu trên phải ghi chép hàng ngày về tình hình làm việc của người lao động đến từng phút. Khi người lao động yêu cầu bản sao hoặc bản sao chụp của sổ ghi chép, chủ sử dụng lao động không được từ chối.
- Chủ sử dụng lao động không được sử dụng việc điều chỉnh thời gian làm việc bình thường theo quy định ở khoản một làm lý do để giảm lương của người lao động.
- Thời gian làm việc bình thường theo các khoản từ một đến ba và Điều 30-1, chủ sử dụng lao động có thể linh hoạt điều chỉnh thời gian bắt đầu và kết thúc công việc trong khoảng một giờ, với điều kiện không thay đổi số giờ làm việc bình thường mỗi ngày, tùy theo nhu cầu chăm sóc thành viên gia đình của người lao động.

第 32 條

1 雇主有使勞工在正常工作時間以外工作之必要者，雇主經工會同意，如事業單位無工會者，經勞資會議同意後，得將工作時間延長之。

2 前項雇主延長勞工之工作時間連同正常工作時間，一日不得超過十二小時；延長之工作時間，一個月不得超過四十六小時，但雇主經工會同意，如事業單位無工會者，經勞資會議同意後，延長之工作時間，一個月不得超過五十四小時，每三個月不得超過一百三十八小時。

3 雇主僱用勞工人數在三十人以上，依前項但書規定延長勞工工作時間者，應報當地主管機關備查。

4 因天災、事變或突發事件，雇主有使勞工在正常工作時間以外工作之必要者，得將工作時間延長之。但應於延長開始後二十四小時內通知工會；無工會組織者，應報當地主管機關備查。延長之工作時間，雇主應於事後補給勞工以適當之休息。

5 在坑內工作之勞工，其工作時間不得延長。但以監視為主之工作，或有前項所定之情形者，不在此限。

- **Điều 32**
- Nếu chủ sử dụng lao động cần thiết phải cho người lao động làm việc ngoài thời gian làm việc bình thường, thì phải có sự đồng ý của công đoàn. Nếu đơn vị không có công đoàn, phải có sự đồng ý của cuộc họp lao động - sử dụng, thì có thể kéo dài thời gian làm việc.
- Thời gian làm việc của người lao động, bao gồm cả thời gian làm việc bình thường, không được vượt quá mười hai giờ mỗi ngày; thời gian làm việc kéo dài trong một tháng không được vượt quá bốn mươi sáu giờ. Tuy nhiên, nếu được sự đồng ý của công đoàn, hoặc nếu đơn vị không có công đoàn, phải có sự đồng ý của cuộc họp lao động - sử dụng, thì thời gian làm việc kéo dài trong một tháng không được vượt quá năm mươi bốn giờ, và trong ba tháng không được vượt quá một trăm ba mươi tám giờ.
- Đối với chủ sử dụng lao động có từ ba mươi người lao động trở lên, nếu kéo dài thời gian làm việc theo quy định ở khoản trên, thì phải báo cáo cho cơ quan quản lý địa phương để lưu trữ.
- Trong trường hợp thiên tai, sự cố hoặc tình huống khẩn cấp, nếu chủ sử dụng lao động cần thiết phải cho người lao động làm việc ngoài thời gian làm việc bình thường, thì có thể kéo dài thời gian làm việc. Tuy nhiên, phải thông báo cho công đoàn trong vòng hai mươi bốn giờ sau khi kéo dài thời gian làm việc; nếu không có tổ chức công đoàn, phải báo cáo cho cơ quan quản lý địa phương để lưu trữ. Chủ sử dụng lao động phải bù đắp cho người lao động bằng thời gian nghỉ ngơi hợp lý sau khi kéo dài thời gian làm việc.
- Người lao động làm việc trong hầm mỏ không được kéo dài thời gian làm việc. Tuy nhiên, đối với các công việc chủ yếu là giám sát, hoặc trong các trường hợp quy định ở khoản trên, thì không nằm trong trường hợp này.

辦法連結

- Quét mã để tìm hiểu thêm về quy định

